

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 314/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Chung;

2. Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Cư trú: Tổ 09, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1984; Cư trú: Tổ 01, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông P là tự tìm hiểu yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp nhận nên đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã N, huyện A, tỉnh An Giang. Từ lúc chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, ông P thường ghen tuông, nhiều lần đánh đập bà nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Do không thể tiếp tục cuộc sống có nhiều mâu thuẫn

trong quan hệ vợ chồng nên cả hai đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay không liên lạc gì với nhau nữa.

Hiện nay, bà không còn tình cảm nên làm đơn khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Thái N, sinh ngày 13/4/2014, hiện đang sống với ông P. Sau khi ly hôn bà đồng ý để ông P tiếp tục nuôi con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lời khai ngày 04/9/2018 của ông Trần Văn P khai: Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, làm thuê ở tỉnh Bình Dương bà H thường nghe điện thoại của người đàn ông lạ nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông và bà H ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng đã không còn, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Sau khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu, không trình bày ý kiến bổ sung và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tòa án đã tiến hành triệu tập tập hợp lệ đối với ông Trần Văn P nhưng ông P vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H do trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, bà H xin ly hôn với ông P và ông P đồng ý ly hôn nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông P.

Về con chung, có 01 con chung như bà H trình bày, bà H đồng ý để ông P nuôi con và ông P có yêu cầu nuôi con nên chấp nhận yêu cầu ông P được tiếp tục nuôi con chung là có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân của bà H, ông P có đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã N nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà H yêu cầu xin được ly hôn, ông P vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương nên yêu cầu xin ly hôn của bà H được Tòa án thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành hòa giải, công khai tài liệu, chứng cứ và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông P không tham gia hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, ông có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tình cảm: Bà Nguyễn Thị H xin được ly hôn với ông Trần Văn P nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông P thường ghen tuông và đánh đập bà H, việc bà H xin ly hôn ông P đã biết và ông đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Từ đó có thể khẳng định quan hệ hôn nhân của bà H và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin được ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Trần Thái N, sinh ngày 13/4/2014, hiện đang sống với ông P. Sau khi ly hôn ông P yêu cầu được nuôi con, bà H đồng ý để ông P tiếp tục nuôi con chung nên chấp nhận yêu cầu ông P được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn.

[5] Ông P nuôi con chung nhưng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên công nhận sự tự nguyện của ông P. Tuy nhiên, ông P cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[7] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Ông Trần Văn P được nuôi cháu Trần Thái N, sinh ngày 13/4/2014.

Công nhận sự tự nguyện của ông P không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của một hoặc cả hai bên.

Ông P cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003080 (bà H đã nộp đủ).

Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi